

**TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI**

Quý 1 Năm 2026

Kính gửi: Sở nông nghiệp và Môi trường Tỉnh Bắc Ninh

**A. THÔNG TIN CHUNG**

Tên người nộp phí: Công ty TNHH CÔNG NGHỆ VÀ CHIẾU SÁNG NVC VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô CN 9-6 KCN Yên Phong Mở Rộng, Xã Yên Trung, Tỉnh Bắc Ninh

MST:	2	3	0	1	1	0	5	5	8	5			
------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Điện thoại : 0921239222 Fax:..... Email: security.vn@nvc-international.com

Tài khoản số: 19135056868686 Tại ngân hàng: TECHCOMBANK

Loại hình, lĩnh vực sản xuất: Sản xuất các loại đèn chiếu sáng

Khí thải phát sinh từ cơ sở thuộc đối tượng chịu phí theo quy định như sau: (Kê khai các dòng khí thải phải tính phí của cơ sở) : Bụi, NOx, SO2, CO

**B. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG KỲ TÍNH PHÍ**

**i. Thông tin về dòng khí thải thứ i**

i.1. Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ): 864 giờ

i.2. Lưu lượng khí thải phát sinh (Nm<sup>3</sup>/giờ): 1.666,6 m<sup>3</sup>/giờ.

- Lưu lượng khí thải lớn nhất là : 68.600 m<sup>3</sup>/giờ.

i.3. Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	Nồng độ (mg/Nm <sup>3</sup> )	Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ i (Ci)
Bụi	3.50	26.95 VNĐ
NO <sub>x</sub> (gồm NO <sub>2</sub> và NO)	1.88	26.95 VNĐ
SO <sub>x</sub>	2.62	72.45 VNĐ
CO	1.14	72.45 VNĐ

i.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải (Ghi rõ tên đơn vị phân tích, thông tin phiếu kết quả quan trắc môi trường):

Đơn vị quan trắc: Công ty TNHH Môi Trường VEC Việt Nam (Vimcert 310)

ST T	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KT01	KT02	KT03	KT04	QCVN 19: 2009/B
---------	-------------	-----------	-----------------------------	------	------	------	------	-----------------------



								TNM T (Giới hạn (Nồng độ Cmax)
1	Bụi tổng	mg/ Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	<3.5 (LOQ =3,5)	<3.5 (LOQ =3,5)	<3.5 (LOQ =3,5)	<3.5 (LOQ =3,5)	180
2	CO	mg/ Nm <sup>3</sup>	SOP/VEC/QT/ KT.01	<1,14 (#)	<1,14 (#)	<1,14 (#)	<1,14 (#)	900
3	SO <sub>2</sub>	mg/ Nm <sup>3</sup>	SOP/VEC/QT/ KT.01	<2,62 (#)	<2,62 (#)	<2,62 (#)	<2,62 (#)	450
4	NO <sub>x</sub> – NO <sub>2</sub>	mg/ Nm <sup>3</sup>	SOP/VEC/QT/ KT.01	<1,88 (#)	<1,88 (#)	<1,88 (#)	<1,88 (#)	765

**Ghi chú:**

- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Với nồng độ Cmax = C x Kp x Kv (trong đó Kp= 0,9 và Kv =1,0);

- KPH: Không phát hiện; (MDL: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp);

- Dấu (<): Nhỏ hơn; (LOQ: Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp);

- <(#): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn phát hiện (IDL) của thiết bị đo;

- Dấu (-): là không quy định.

**Nhận xét:**

- Chất lượng khí thải: Nồng độ các chỉ tiêu quan trắc và phân tích mẫu khí thải đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; Cột B.

**C. SỐ PHÍ BIẾN ĐỔI PHẢI NỘP TRONG KỲ (C = ΣCi)\***

C = 199 đồng. ( Đã làm tròn )

**D. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này = 750,000 đồng.

2. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
--------------	----------	-------------------

1	Số phí phát sinh trong kỳ $F = f/4 + C$	750,199
2	Số phí từ kỳ trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	0
3	Số phí nộp thừa từ kỳ trước (nếu có)	0
4	Số phí còn phải nộp vào ngân sách nhà nước $(1 + 2 - 3)$	750,199

3. Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khí thải phải nộp vào ngân sách nhà nước (Viết bằng chữ): **Bảy trăm năm mươi nghìn một trăm chín chín đồng**

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị.

**Cơ quan tiếp nhận, thẩm định**  
**Tờ khai phí**

**Tờ khai phí ngày .....**

(Người nhận ký và ghi rõ họ tên/Ký số)

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 04 năm 2026

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
**KHAI, NỘP PHÍ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/Ký điện tử/Ký số)



**GIÁM ĐỐC**  
**CHEN, GONGTAO**

